



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN



SPC Xanh, Thêm Xanh

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian : 8h00, Thứ sáu, ngày 09/4/2021

Địa điểm : Hội trường Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

I.	Thủ tục khai mạc	Thời gian
1.	Cổ đông nhận tài liệu, phiếu biểu quyết	8h00-8h30
2.	Tuyên bố lý do – Giới thiệu thành phần tham dự	8h30-8h35
3.	Báo cáo kết quả kiểm tra cổ đông tham dự đại hội	8h35-8h40
4.	Thông qua thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội	8h40-8h50
5.	Giới thiệu và biểu quyết thông qua	8h50-9h00
	– Thành phần Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu	
	– Nội dung Chương trình Đại hội	
II.	Nội dung đại hội	
1.	Phát biểu khai mạc đại hội – Chủ tịch HĐQT	9h00-9h05
2.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch kinh doanh năm 2021	9h05-9h15
3.	Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2021 của BDH	9h15-9h25
4.	Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS	9h25-9h35
5.	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020 & KH 2021	9h35-9h45
6.	Tờ trình thù lao HĐQT và BKS năm 2020 & KH 2021	9h45-9h55
7.	Trình bày các tờ trình khác và thảo luận biểu quyết	9h55-10h30
	Nghỉ giải lao (kiểm phiếu)	10h30-11h00
8.	Đại biểu cấp trên phát biểu ý kiến	11h00-11h10
9.	Công bố kết quả biểu quyết	11h10-11h15
10.	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	11h15-11h25
11.	Phát biểu tổng kết và bế mạc Đại hội	11h25-11h30

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021

QUY ĐỊNH THẺ LỆ LÀM VIỆC
BIỂU QUYẾT, BẦU CỬ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Thẻ lệ làm việc, biểu quyết, thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn theo quy tắc và thẻ lệ sau đây:

I. MỤC TIÊU

- Đảm bảo việc tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của các cổ đông.

II. THẺ LỆ LÀM VIỆC, BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

1. Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Ban tổ chức sẽ cấp cho cổ đông hoặc các đại diện theo ủy quyền hợp lệ Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết. Trên mỗi Phiếu biểu quyết sẽ có đầy đủ các thông tin: họ tên, mã số cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội cần biểu quyết thông qua. Trên mỗi Thẻ biểu quyết chỉ ghi các thông tin: họ tên, mã số cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Tất cả các cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia, phát biểu ý kiến trong nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa điều khiển cuộc họp. Các đại biểu và nhà đầu tư tham gia cuộc họp phải tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa, tạo điều kiện cho cuộc họp diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng, hợp lệ. Chủ tọa và Thư ký họp Đại hội cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số dự họp.
5. Đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc, biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; số lượng và Danh sách ứng cử viên bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Biên bản Đại hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thông nhất trước sẽ được biểu quyết thông qua Thẻ biểu quyết. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

6. Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết tại Mục 5) bằng cách đánh dấu chéo (X) vào ô Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Phiếu biểu quyết.
7. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác... khi không được Chủ tọa yêu cầu; phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với một nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.
8. Trong một Phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.
9. Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại Phiếu biểu quyết cũ.
10. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do khác không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông không gửi lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không có ý kiến đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.
11. Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.
12. Tổ chức kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu thực hiện bằng cách trực tiếp đếm số Thẻ biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ đếm số Thẻ tán thành trước, sau đó đếm số thẻ phản đối và sau cùng đếm số thẻ không ý kiến và báo cáo Đại hội.
13. Thông qua quyết định:
Quyết định của đại hội đồng cổ đông chỉ được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
Trường hợp thông qua quyết định về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
14. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp là cơ sở để soạn thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thông qua trước khi bế mạc.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

III. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy định này được xin ý kiến thông qua tại Đại hội và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông tham dự Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(*đã ký*)
LÊ THỊ PHƯƠNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO **CÔNG TÁC NĂM 2020 & KẾ HOẠCH NĂM 2021** **CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn.

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về công tác Quản trị và điều hành năm 2020 - Phương hướng và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2021 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020:

1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Năm 2020 là năm khó khăn chung với các công ty nông nghiệp cả nước bởi bị tác động, ảnh hưởng từ nhiều yếu tố: nhà nước loại bỏ một số hoạt chất ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, theo đó Công ty SPC cũng đã chịu ảnh hưởng khá nặng nề; Ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid 19 kéo dài hạn chế giao thương; Ảnh hưởng của tình hình xâm nhiễm mặn và hạn hạn.. làm ảnh hưởng đến kết quả bán hàng của Công ty.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã có những quyết sách, chủ trương thay đổi kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, cùng với sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ nhân viên Công ty, năm 2020 Công ty đã hoàn thành khá tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, chi tiết như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất: thực hiện 1.138 tỷ, đạt 92% so với kế hoạch và đạt 92% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế: thực hiện 48,9 tỷ, đạt 98% so với kế hoạch và đạt 95% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế: thực hiện 37 tỷ, đạt 93% so với kế hoạch và đạt 93,3% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Số liệu tài chính năm 2020 sau khi đã hợp nhất Công ty CP Thương Mại Mộc Hóa (MJC):

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	1.236.000.000.000	1.138.125.698.110	98,5%
Lợi nhuận trước thuế	49.800.000.000	48.912.707.645	98%
Lợi nhuận sau thuế	39.800.000.000	37.000.577.086	93%
Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	3.779	3.514	93%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán

Số liệu tài chính năm 2020 chưa hợp nhất Công ty MJC như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	950.000.000.000	938.749.549.765	98,8%
Lợi nhuận trước thuế	46.700.000.000	46.851.153.197	100,3%
Lợi nhuận sau thuế	37.300.000.000	35.462.243.055	95%
Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	3.543	3.368	95%

2. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2020:

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, năm 2020 vừa qua, HĐQT đã làm tốt các công việc trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, công khai và minh bạch. Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động điều hành, đảm bảo sự cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, đối tác, cộng đồng và quyền lợi của người lao động; đồng thời củng cố nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Ngoài ra, HĐQT cũng đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động của Công ty.

Việc công bố thông tin của HĐQT được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2020, HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc. Các cuộc họp được tổ chức theo đúng quy định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận rất lớn của người lao động trong toàn Công ty, theo đó HĐQT đã thông qua một số nội dung chính như sau:

- Triển khai và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định.
- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý, đánh giá hiệu quả điều hành của Ban giám đốc, hoạt động Ban kiểm soát, những tồn tại chưa giải quyết được.
- Xem xét và thông qua các tờ trình, đề xuất của Ban điều hành nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị được thuận lợi, hiệu quả.
- Cùng Ban điều hành giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

(đính kèm danh mục Nghị quyết của HĐQT trong năm 2020).

3. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT:

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua với tổng thù lao là 144.000.000 đồng (không bao gồm lương chuyên trách). Chi tiết cho từng thành viên HĐQT như sau:

- Chủ tịch hội đồng quản trị: hưởng lương chuyên trách (36 triệu đồng/tháng, căn cứ theo hiệu quả hoạt động kinh doanh hàng tháng)
- Thù lao thành viên hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/tháng

4. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ tháng, hoặc họp bất thường trong trường hợp có công việc quan trọng, khẩn cấp cần giải quyết.

Các nội dung giám sát có chương trình chuyên đề cụ thể:

- Giám sát việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.
- Giám sát xử lý nợ phải thu, giám sát chất lượng hàng tồn kho thông qua việc thành lập các tổ công tác nhằm xử lý trực tiếp và kịp thời các vấn đề phát sinh và tồn đọng.
- Giám sát việc thu chi tài chính.
- Giám sát việc thực hiện Quy chế của Ban điều hành. v.v...

Trong năm qua, Ban điều hành thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động trong các các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban điều hành đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

5. Nhận xét đánh giá:

Nhìn chung, trong năm 2020, chất lượng hoạt động của HĐQT ngày càng được nâng cao trên cơ sở phát huy tối đa trí tuệ tập thể, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, dân chủ và sự đồng thuận của các thành viên HĐQT.

Trong năm 2020, với tình hình thị trường thuốc bảo vệ thực vật khó khăn, Công ty vẫn tiếp tục đưa ra những định hướng, chiến lược mới trong công tác điều hành kinh doanh để phù hợp với tình hình thị trường. Công ty đã thành lập các chiến lược đi vào chiều sâu, chú trọng tính hiệu quả nhằm hoàn thiện hệ thống kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh bán hàng, tăng cường kiểm tra, kiểm soát cũng như các công tác liên quan đến tiết giảm chi phí... luôn được chú trọng thực hiện. Chính những yếu tố này đã góp phần giúp Công ty giữ được chỉ tiêu lợi nhuận không bị giảm trong bối cảnh nền kinh tế và hoạt động của nhiều doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

1. Mục tiêu chủ yếu năm 2021:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	
	Chưa hợp nhất MJC	Sau khi hợp nhất MJC
Doanh thu thuần	950,000,000,000	1.233.500.000.000
Lợi nhuận trước thuế	40.500.000.000	42.600.000.000
Lợi nhuận sau thuế	32.200.000.000	33.880.000.000
Tỷ lệ chi trả cổ tức	17%	17%

2. Giải pháp thực hiện:

Tập trung chỉ đạo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 được Đại hội cổ đông thông qua.

Tập trung trong công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới nhằm thay thế sản phẩm bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV theo qui định của nhà nước, đồng thời mở rộng ngành nghề kinh doanh như kinh doanh phân bón lá dạng nước, phân hữu cơ vi sinh, các sản phẩm phục vụ nông nghiệp đô thị, ...

Tiếp tục củng cố bộ sản phẩm chiến lược, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi

trường nhằm tạo sự khác biệt, nâng cao năng lực cạnh tranh, khai thác các thị trường tiềm năng còn bỏ ngỏ.

Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm và tăng tính năng cạnh tranh của sản phẩm; đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất nhằm tạo động lực tăng năng suất sản xuất, đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.

Thực hiện các giải pháp quản lý an toàn tài chính; tối đa hóa việc sử dụng vốn; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản trị tài chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác quản lý kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của nhân viên.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, tổ chức các sự kiện như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC, hội thảo thương mại kết hợp du lịch nghỉ dưỡng, ... Ngoài ra, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia và Myanmar để giải quyết bài toán tăng trưởng.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách đào tạo phù hợp cùng với việc phân công, bố trí công việc hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của đơn vị. Trẻ hoá cán bộ lãnh đạo và quản lý. Tập hợp các cán bộ lớn tuổi, có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm tạo thành một đội ngũ chuyên gia để hỗ trợ cho cán bộ lãnh đạo trẻ.

Năm 2021 được dự báo sẽ tiếp tục những khó khăn, thách thức với tình hình nhiễm mặn ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và tình hình khô hạn ở các tỉnh miền trung dự kiến sẽ diễn ra hết sức nặng nề, khốc liệt đồng thời tình hình dịch bệnh Covid 19 và việc một số sản phẩm chủ lực hết hiệu lực kinh doanh trong năm 2021 sẽ ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu doanh số và lợi nhuận trong thời gian tới. Nhưng với quyết tâm, đoàn kết, dân chủ và sự đồng thuận của các thành viên HĐQT, HĐQT tin tưởng rằng Công ty cổ phần bảo vệ thực vật Sài Gòn sẽ tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận trong năm 2021.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và phương hướng hoạt động cho năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng kính chào!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

LÊ THỊ PHƯƠNG

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

STT	SỐ VĂN BẢN	NGÀY	TRÍCH YẾU
1	02/NQ- BVTVSG - HĐQT	24/02/2020	Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019
2	03/NQ- BVTVSG - HĐQT	09/03/2020	Cho thuê mặt bằng Shopping Center Kiến Tường
3	05/NQ- BVTVSG - HĐQT	12/03/2020	Thông qua việc vay vốn NH: xây lắp, cải tạo nhà vệ sinh, hội trường XNHP; ký tiếp HĐLĐ với Ông Phan Thanh Hóa; dự thảo hồ sơ của đại hội cổ đông năm 2020.
4	07/NQ- BVTVSG – HĐQT	10/04/2020	Cơ cấu lại thời hạn trả nợ của khoản vay tại Agribank.
5	09/NQ- BVTVSG – HĐQT	17/04/2020	Bổ sung khoản vay 1.5 tỷ cơ cấu lại thời hạn nợ do Covid tại Agribank.
6	10/NQ- BVTVSG – HĐQT	24/04/2020	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Dũng tiếp tục giữ chức Giám Đốc Công ty Cổ phần bảo vệ thực vật Sài Gòn.
7	11/NQ- BVTVSG - HĐQT	04/05/2020	Tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 22/05/2020
8	13/NQ- BVTVSG - HĐQT	22/05/2020	Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm
9	16/NQ- BVTVSG - HĐQT	17/06/2020	Kết quả SXKD 5 tháng đầu năm 2020 và định hướng những tháng cuối năm 2020; xin ý kiến tín dụng của các Ngân hàng; lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập; xin ý kiến vay vốn mua xe phục vụ SXKD theo KHĐT mua sắm sửa chữa năm 2020; chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, thành lập văn phòng đại diện và điểm kinh doanh; phân bổ quỹ thưởng HĐQT, BDH, BKS năm 2019.
10	20/NQ- BVTVSG - HĐQT	20/08/2020	Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và định hướng 6 tháng cuối năm 2020; xin ý kiến tín dụng tại NH Siam; thay đổi nhân sự thư ký Công ty, chuyển bộ phận phân tích – KCS thuộc P.KTNCPT về XNHP; phân công thành viên HĐQT Công ty; điều chỉnh tăng giá gói thầu, dự án nâng cấp sửa chữa hệ thống cấp nước PCCC +cụm PCCC bồn chứa xylen; đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái văn phòng Công ty; chấm dứt thực hiện dự án nhà kho mở rộng CN Cần Thơ, chấm dứt thực hiện dự án cửa hàng và nhà kho Chi nhánh Long An.
11	22/NQ- BVTVSG - HĐQT	19/09/2020	Lấy ý kiến bằng văn bản về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (sản xuất và phân phối điện), chi cổ tức đợt 2 năm 2019.
12	24/NQ- BVTVSG - HĐQT	19/09/2020	NQ của HĐQT về việc thẩm định thửa đất của Công ty Thiên An để HĐQT làm cơ sở pháp lý xem xét có nhận chuyển nhượng thửa đất để cản trừ nợ khó đòi.
13	26/NQ- BVTVSG - HĐQT	30/10/2020	Trình kế hoạch doanh thu niên vụ 2020-2021; trình kế hoạch tài chính niên vụ 2020- 2021; xóa nợ khởi kiện; kết quả thẩm định đất của Công ty Thiên An
14	27/NQ- BVTVSG - HĐQT	30/10/2020	Thông qua hạn mức tín dụng Agribank.
15	31/NQ- BVTVSG - HĐQT	02/12/2020	Chuyển nhượng đất để cản trừ công nợ khách hàng Sơn Hải.
16	32/NQ- BVTVSG - HĐQT	10/12/2020	Trình KH đầu tư phương tiện năm 2021, Kế hoạch lương năm 2020, trình nhân sự khu vực ĐBSCL

Số: 25/BC-BVTVSG-BGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2021

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông – Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn.

Ban điều hành báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, chi tiết như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. Đặc điểm, tình hình chung:

Năm 2020 đã qua, có thể thấy là 1 năm đầy thách thức đối với nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng. Ảnh hưởng nghiêm trọng, kéo dài của tình hình dịch bệnh Covid 19, hạn chế giao thương và các chỉ thị cách ly xã hội đã làm trì trệ hoạt động sản xuất kinh doanh không chỉ trong nước mà còn cả các hoạt động xuất – nhập khẩu.

Bên cạnh đó, tình hình xâm nhiễm mặn và hạn hán ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và miền Trung diễn ra hết sức nặng nề trong những tháng đầu năm 2020, ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống và sản xuất nông nghiệp của nông dân, làm cho thị trường và nhu cầu thuốc BVTV, phân bón giảm sút rõ rệt nên đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty hiện nay và trong thời gian tới.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã kiên trì xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường bằng chất lượng sản phẩm và chữ tín trong hoạt động kinh doanh, đáp ứng tối đa những yêu cầu của khách hàng và thị trường đang từng ngày không ngừng thay đổi. Nhờ vậy, Công ty vẫn tiếp tục ổn định hoạt động và hoàn thành khá tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2020.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Giá trị sản xuất (theo giá CĐ 94): thực hiện 691 tỷ đồng, đạt 99% kế hoạch năm và đạt 88% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu hợp nhất: thực hiện 1.138 tỷ, đạt 92% so với kế hoạch và đạt 92% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế: thực hiện 48,9 tỷ, đạt 98% so với kế hoạch và đạt 95% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Thu nhập người lao động: đạt 97,3% kế hoạch và đạt 94,5% so với cùng kỳ năm trước.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2019	Năm 2020			
				Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	2020/2019
1	Giá trị sản xuất (giá CĐ 94)	1.000 đ	788.530.667	701.918.800	691.514.348	99%	88%
2	Sản lượng	Tấn	11.500	13.700	6.357	46%	55%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	1.000 đ	1.234.402.668	1.236.000.000	1.138.125.698	92%	92%

Stt	Chi tiêu	Đvt	TH 2019	Năm 2020			
				Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	2020/2019
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	51.704.531	49.800.000	48.912.707	98%	95%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	39.644.605	39.800.000	37.000.577	93%	93,3%
6	Tỷ suất LNST/Vốn góp CSH	%	37,6%	37,8%	35,1%	93%	93,3%
7	Nộp ngân sách	1.000 đ	48.783.906	43.000.000	46.138.696	107%	95%
8	Tổng quỹ lương	1.000 đ	73.807.322	71.228.890	71.136.969	99,9%	96,4%
9	Lao động bình quân	người	515	510	504	99%	97,8%
10	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	12.741.683	12.375.147	12.045.572	97,3%	94,5%

(Nguồn số liệu: căn cứ BCTC năm 2020 đã được kiểm toán)

3. Về tiến độ thực hiện các dự án đầu tư:

Dự án đầu tư tại Lào: Công ty đã gửi văn bản trình Sở KH& Đầu tư đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt cho giữ lại Trung tâm thương mại tại KM21 để tổ chức kinh doanh và làm văn phòng SPC Lào và hiện còn đang chờ văn bản trả lời của Ủy Ban.

Dự án đầu tư xây dựng, mua sắm MMTB: Đầu tư máy dán nhãn decal; Sửa chữa bể tuyển nổi- xử lý nước thải; Xây dựng khu nhà vệ sinh – hội trường tại xí nghiệp Hiệp Phước; Đầu tư máy đo tỷ trọng; Sửa chữa nâng cấp hệ thống PCCC tại XNHP; Đầu tư máy sắc ký khí.

4. Về nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới:

Công ty đang tập trung đẩy mạnh công tác đăng ký sản phẩm mới và đăng ký bổ sung nhằm thay thế các sản phẩm cũ, các sản phẩm có hoạt chất bị cấm sản xuất nhằm bổ sung danh mục sản phẩm thay thế chất lượng tốt hơn, không ảnh hưởng đến môi trường

Công ty đã được Cục quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế cấp giấy phép lưu hành 02 sản phẩm chế phẩm diệt côn trùng. Đang thực hiện đăng ký mới 07 sản phẩm tại Cục BVTV, trong đó 04 sản phẩm SPC tự là nhà sản xuất đã được cấp giấy khếp khảo nghiệm, đang trong giai đoạn thực hiện khảo nghiệm đăng ký, 03 sản phẩm còn lại công ty nhận ủy quyền đăng ký từ các công ty Trung Quốc. Thực hiện đăng ký bổ sung thêm dịch hại cho 02 sản phẩm vừa vào danh mục 2019. Đăng ký mới ở nước ngoài: 10 sản phẩm cho Campuchia, 03 sản phẩm cho Myanmar và 4 sản phẩm cho Lào. Và tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới có tính thân thiện môi trường, được làm từ nguyên liệu hữu cơ, an toàn, chất lượng nhằm tạo sự khác biệt và tăng hiệu quả kinh doanh đồng thời thay thế cho các sản phẩm có hoạt chất độc cao bị cấm sản xuất kinh doanh từ năm 2020.

Mở rộng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm các sản phẩm mới để nhằm phát triển thêm bộ sản phẩm của Công ty. Đồng thời phát triển sản phẩm mới dựa trên các sản phẩm hiện tại để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

5. Về công tác vận hành nội bộ:

Thành lập các tổ chiến lược để thực hiện cụ thể hóa các định hướng, kế hoạch đề ra của Công ty nhằm đạt được mục tiêu chung của Công ty.

Sắp xếp thay đổi nhân sự và bổ nhiệm các chức danh Giám Đốc SPC Lào, Giám Đốc Chi nhánh Daklak, Giám Đốc Chi nhánh Gia Lai, Quyền Trưởng Phòng KDĐT, và điều động cán bộ các phòng ban đơn vị trực thuộc.

Công nghệ thông tin được đẩy mạnh ứng dụng để cắt giảm chi phí hoạt động như tăng cường họp qua zoom, làm việc từ xa, quản lý công tác bán hàng qua phần mềm DMS nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của nhân viên.

Quan tâm và thực hiện tốt công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho các đồng chí đảng ủy viên, cấp ủy các chi bộ trực thuộc, cán bộ quản lý và CBCNV toàn Công ty; Thực hiện công tác đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ kế toán – kinh doanh – quảng bá, bồi dưỡng kiến thức ISO, kiến thức về thuốc BVTV, an toàn trong sản xuất bảo quản thuốc BVTV, an toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ... cho cán bộ quản lý, CBCNV phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc; 07 Cán bộ quản lý đang tham gia lớp chương trình sau Đại học, 03 cán bộ quản lý học Trung cấp chính trị.

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, nộp BHXH, BHYT, ... đầy đủ đúng quy định.

6. Về công tác quản lý tài chính:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý nợ, xây dựng hạn mức tín dụng cho từng khách hàng, xiết chặt việc bán hàng cho khách hàng thông qua công cụ hạn mức tín dụng, công nợ quá hạn, ký hợp đồng mua bán đã có hiệu quả trong công tác quản lý công nợ khách hàng, hạn chế được rủi ro tài chính.

Ngoài ra, Công ty đã sử dụng hiệu quả “Đòn bẩy tài chính” trong kinh doanh để tạo sự ổn định trong dòng tiền đồng thời kích thích việc bán hàng.

Tăng cường giám sát việc áp dụng định mức tồn kho cho từng chi nhánh, khu vực, từng ngành hàng nhằm kiểm soát, tăng vòng quay hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của đơn vị.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế cho ngân sách Nhà Nước theo đúng quy định pháp luật.

7. Về công tác phát triển thị trường:

Trong năm 2020, Công ty đã tập trung đẩy mạnh công tác quảng bá các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm thay thế các sản phẩm đã bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV.

Tập trung phát triển thị trường tại Myanmar sau khi được cấp giấy phép cho thành lập Công Ty SPC tại Myanmar và bước đầu đã tìm kiếm được đối tác mở được thị trường xuất bán thuốc BVTV sang Myanmar; Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường Campuchia thông qua việc tung ra một số sản phẩm mới, giá cả cạnh tranh.

Thường xuyên đánh giá hệ thống phân phối hiện tại, tạo quan hệ gắn bó với hệ thống phân phối qua các chương trình khuyến mãi, hậu mãi, tổ chức gặp gỡ chăm sóc khách hàng, hội thảo như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC, phân nhóm khách hàng theo mức: khách hàng thân thiết, khách hàng thẻ đồng, thẻ bạc, thẻ vàng, khách hàng vip, mỗi nhóm sẽ được gắn với quyền lợi tương ứng; Và tập trung tăng cường phát triển hệ thống phân phối tại thị trường Campuchia, Lào, Myanmar.

II. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

1. Dự báo một số thuận lợi và khó khăn trong năm 2021:

a) Thuận lợi:

- Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước, công tác quản lý tài chính, marketing phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh cả ngắn và trong dài hạn.
- Các sản phẩm của Công ty đa dạng, chất lượng cao, giá cả hợp lý, cạnh tranh tiếp tục giữ được uy tín đối với nông dân, người tiêu dùng trực tiếp do chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo và mang lại hiệu quả cao cho người tiêu dùng.

- Các khách hàng truyền thống của Công ty vẫn tiếp tục gắn bó với Công ty, chia sẻ khó khăn và kinh nghiệm thị trường, hệ thống phân phối luôn được giữ vững và phát triển. Đến nay hệ thống phân phối trong nước đạt gần 700 đại lý các cấp, 15 chi nhánh kinh doanh cho phép sản phẩm thuốc của SPC có mặt ở mọi miền đất nước.
- SPC nhận được tín nhiệm của các ngân hàng thương mại và các nhà cung cấp đầu vào.
- Luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Tổng Công ty cũng như sự hỗ trợ của các cơ quan ban ngành có liên quan (Chi cục BVTV, Trạm khuyến nông, Hiệp hội BVTV, ...).

b) Khó khăn:

- Dự báo năm 2021, với tình hình dịch bệnh Covid 19 vẫn còn tiếp diễn đồng thời dự báo nhiễm mặn ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long diễn ra hết sức nặng nề, khốc liệt sẽ làm cho nhu cầu thị trường thuốc BVTV giảm mạnh, do đó chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.
- Bên cạnh đó, do một số sản phẩm chủ lực đã bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV nên áp lực về doanh số rất lớn trong thời gian tới vì các sản phẩm thay thế chưa thể bù đắp kịp trong thời gian ngắn.
- Thị trường kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tiếp tục cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, diện tích đất nông nghiệp trong những năm gần đây có xu hướng giảm. Song song đó là việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sẽ trở nên thận trọng hơn khi mà các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm trong nước và quốc tế ngày càng nghiêm ngặt.

2. Kế hoạch kinh doanh và giải pháp thực hiện trong năm 2021:

a) Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2020 (đã hợp nhất MJC)	Kế hoạch 2021	
				Chưa hợp nhất MJC	Đã hợp nhất MJC
1	Giá trị sản xuất (giá CĐ 94)	1.000 đ	691.514.348	723.596.179	723.596.179
2	Sản lượng	Tấn	6.357	13.700	13.700
3	Tổng doanh thu hợp nhất	1.000 đ	1.138.125.698	950.000.000	1.233.500.000
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	48,912,707	40.500.000	42.600.000
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	37.000.577	32.200.000	33.880.000
6	Tỷ suất LNST/Vốn góp CSH	%	35,1%	30,6%	32,2%
7	Nộp ngân sách	1.000 đ	46.138.696	40.000.000	41.000.000
8	Tổng quỹ lương	1.000 đ	71.136.969	62.179.543	62.179.543
9	Lao động bình quân	người	504	504	504
10	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	12.045.572	10.564.516	10.564.516

b) Giải pháp thực hiện:

- Đẩy mạnh công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới thay thế sản phẩm bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV, đồng thời tập trung phát triển và cung ứng ra thị trường các sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc trừ sâu bệnh có nguồn gốc sinh học, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi trường có hiệu quả cao cho nông dân, cạnh tranh được với các sản phẩm của các công ty khác trong cùng ngành.
- Tập trung triển khai các chiến lược như chiến lược về bao bì (cải tiến mẫu mã bao bì, chuẩn hóa việc nhận dạng bao bì riêng của SPC, đa dạng màu sắc theo nhu cầu của khách hàng),

chiến lược 3L (sản xuất số lượng tối thiểu theo nhu cầu KH), chiến lược về định vị sản phẩm phẩm chủ lực, sản phẩm tiềm năng, định vị cây trồng chủ lực và tiềm năng, ...

- Triển khai nhanh chiến lược phát triển sản phẩm nông nghiệp đô thị bao gồm bộ sản phẩm hiện hữu (sản xuất gói nhỏ phù hợp với nông nghiệp đô thị), đất sạch, sản phẩm thuốc đã pha chế sẵn, sản phẩm sinh học, hữu cơ thân thiện môi trường.
- Tập trung đẩy mạnh phát triển thị trường tại Campuchia, Myanmar và Lào, đặc biệt tập trung công tác nhập khẩu trực tiếp từ nhà cung cấp cho thị trường nước ngoài đối với các sản phẩm bị loại khỏi danh mục thuốc BVTV.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ phải thu thông qua chính sách thu tiền, công cụ hạn mức tín dụng nhằm đảm bảo chỉ tiêu Nợ phải trả/Vốn CSH nằm dưới mức cho phép.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài và sử dụng một cách hiệu quả trên cơ sở chủ động qui hoạch, bố trí sử dụng các chức danh then chốt của Công ty.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác bán hàng, công tác quảng bá và công tác quản lý nhằm nâng cao năng suất làm việc, tiết kiệm thời gian và chi phí quản lý.
- Đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm mới, sản phẩm thay thế.
- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua tiết kiệm chi phí và hoàn thành kế hoạch SXKD.

Trên đây là báo cáo tình hình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng năm 2021 của Ban điều hành, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

NGUYỄN QUỐC DŨNG

Số: 26/BC-BVTVSG-BKS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 CÔNG TY CP BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Kính gửi: - **Đại hội đồng cổ đông**
- **Hội đồng quản trị Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định của pháp luật.
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về công tác hoạt động trong năm 2020 như sau :

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty (đính kèm báo cáo thẩm định).
- Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Giám sát tình hình sử dụng lao động và việc chấp hành các chế độ liên quan đến người lao động theo luật định.
- Phối hợp với Ban KTNB tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại các chi nhánh... Từ đó, báo cáo kiến nghị các giải pháp cho HĐQT và Ban điều hành nhằm ngăn ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến đơn vị và lợi ích của cổ đông.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban, chuyên đề, chiến lược của Công ty và nêu các ý kiến, đề xuất giải pháp cho HĐQT và Ban giám đốc nhằm kiểm soát và quản trị rủi ro một cách hiệu quả nhất.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Hàng tháng kiểm tra, theo dõi các số liệu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, qua đó phân tích đánh giá các chỉ tiêu tài chính và kiến nghị các biện pháp nhằm mục tiêu giảm thiểu tối đa tổn thất cho đơn vị.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng qui định của pháp luật, xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- Xem xét mức phí và đánh giá năng lực các đơn vị kiểm toán độc lập. Tư vấn HĐQT trong việc chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Vào thời điểm giữa năm và cuối năm, BKS phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ và các Công ty con nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch của các số liệu.

❖ **Mức lương và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2020 :**

- ✓ Trưởng Ban kiểm soát : Hưởng lương chuyên trách.
- ✓ Thù lao thành viên Ban kiểm soát : 2 triệu đồng/tháng.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020 :

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2020 :

Đvt : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ	
			Kế hoạch	Thực hiện	3/1	3/2
		1	2	3	4	5
1	Tổng tài sản	610.000		640.467	105%	
2	Công nợ phải thu KH	150.819		161.026	107%	
3	Hàng tồn kho	345.702		336.625	97%	
4	Nợ phải trả	379.573		402.984	106%	
5	Vốn chủ sở hữu	230.426		237.482	103%	
6	Hệ số Nợ/Vốn CSH (lần)	1,65		1,70	103%	
7	Doanh thu (hợp nhất)	1.234.403	1.236.000	1.138.126	92,2%	92,1%
8	Lợi nhuận trước thuế	51.705	49.800	48.913	94,6%	98,2%
9	Lợi nhuận sau thuế	39.644	39.800	37.000	93,3%	93,0%
10	Tỷ suất LNST/Doanh thu	3,21%		3,25%	101%	

(Nguồn số liệu: căn cứ BCTC năm 2020 đã được kiểm toán)

Ghi chú: Doanh thu và lợi nhuận 2020 đã bao gồm số liệu của Công ty cổ phần TM Mộc Hóa)

2. Đánh giá kết quả thực hiện

- Tổng tài sản của Công ty đến 31/12/2020 đạt 640,467 tỷ đồng, tăng 5% (tương đương 30,467 tỷ đồng) so với thời điểm đầu năm 2020, trong đó chủ yếu:
 - + Tiền và các khoản tương đương tiền : tăng 13,129 tỷ đồng
 - + Đầu tư tài chính ngắn hạn: tăng 5,093 tỷ đồng
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn: tăng 17,650 tỷ đồng
 - + Hàng tồn kho: giảm 9,077 tỷ đồngCác chỉ tiêu tài chính khác biến động không đáng kể
- Công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2020: 161,026 tỷ đồng, tăng 7% (tương đương 10,207 tỷ đồng) so với cùng thời điểm năm 2019. Nguyên nhân là do Công ty có chính sách gia hạn nợ cho khách hàng thêm 30 ngày để thúc đẩy doanh số trong bối cảnh tình hình dịch covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường. Bên cạnh đó, doanh thu tăng cao vào thời điểm cuối năm 2020 cũng làm cho công nợ khách hàng tăng lên vào thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, phần công nợ tăng thêm này đa số là công nợ trong hạn.
- Hàng tồn kho đến 31/12/2020 : 336,625 tỷ đồng, giảm 3% (tương đương 9,077 tỷ đồng) so với cùng điểm cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do một số hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật bị loại ra khỏi danh mục theo quy định đã được công ty tiêu thụ trong năm 2020, công tác nhập khẩu nguyên vật liệu được công ty siết chặt, phù hợp hơn với năng lực sản xuất của nhà máy. Bên cạnh đó, Tổ chiến lược bao bì tại Công ty tiếp tục rà soát, thay đổi, cải tiến vật tư, bao bì mang tính đồng nhất cho sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh và giảm thiểu tối đa tồn kho, làm cho tồn kho đến cuối năm 2020 giảm nhiều so với thời điểm cùng kỳ năm trước.
- Nợ phải trả đến 31/12/2020 : 402,984 tỷ đồng, tăng 6% (tương đương 23,411 tỷ đồng) so với cùng điểm cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân là do Công ty được các ngân hàng hỗ trợ giãn nợ thanh toán cho doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh covid-19 ảnh hưởng.
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ đến 31/12/2020: 1,70 lần, so với mức 1,65 lần năm 2019 thì chỉ tiêu này tăng không đáng kể và vẫn nằm trong tầm kiểm soát, an toàn cho hoạt động của đơn vị.
- Doanh thu năm 2020: 1.138 tỷ đồng đạt 92,1% kế hoạch năm và đạt 92,2% so với thực hiện năm 2019. Nguyên nhân chính không đạt được 100% kế hoạch doanh thu là do một số sản phẩm có chứa hoạt chất thuốc BVTV của Công ty bị loại ra khỏi danh mục kinh doanh như: Sairifos, Diaphos hoặc bị hạn chế đăng ký hàm lượng như sản phẩm: Secsaigon, Saicoba... nên doanh số bị giảm đáng kể. Bên cạnh đó, trong năm 2020 tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nên sức tiêu thụ thuốc BVTV của người dân giảm rõ rệt.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2020: 48,913 tỷ đồng đạt 98,2% kế hoạch năm và đạt 94,6% so với thực hiện năm 2019. Nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận trước đạt 98,2% kế hoạch là do doanh thu giảm, chỉ đạt 92,1 so với kế hoạch đề ra nên ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.
- Tỷ suất LNST/Doanh thu năm 2020 : đạt 3,25% tăng giảm không đáng kể so với tỷ suất thực hiện của năm 2019.

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2020 :

Về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty đã thực hiện với các kết quả như sau :

- Trong năm 2020 HĐQT và Ban điều hành công ty đã nỗ lực phấn đấu, khắc phục những khó khăn để định hướng và điều hành đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, doanh thu đạt 92,1% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 98,2% kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 đã đề ra.
- Công ty đã sử dụng và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi theo đúng nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 đã ban hành.
- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với tỷ lệ 17%/mệnh giá (1.700 đồng/cổ phiếu)
- Đã chi trả thù lao đầy đủ cho HĐQT và BKS cũng như khen thưởng HĐQT, BKS, BDH theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020
- Công ty đã thông qua các tiêu chí về đơn vị kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 theo đúng Nghị quyết.

IV. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HĐQT NĂM 2020 :

Trong năm 2020, để đạt được những kết quả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra thì HĐQT đã tiến hành họp định kỳ, đột xuất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và đã ban hành 16 Nghị quyết với nhiều nội dung cụ thể nhằm định hướng, chỉ đạo, giải quyết kịp thời các vấn đề cấp bách, các nghị quyết này được BDH triển khai thực hiện triệt để nhằm đảm bảo hoạt động SXKD luôn được thông suốt, mang lại hiệu quả cao nhất cho đơn vị, cụ thể như:

- Thông qua kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính niên vụ 2020-2021 của Công ty.
- Ban hành nghị quyết thông qua việc bổ nhiệm một số nhân sự chủ chốt đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động của đơn vị.
- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý của đơn vị, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, chỉ đạo giải quyết những tồn tại.
- Xem xét phản hồi và thông qua một số Tờ Trình của Công ty MJC.
- Ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch đầu tư, sửa chữa lớn năm 2020 phù hợp tình hình tài chính và đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị.

V. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG

- BKS chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của công ty. Hoạt động của công ty là tuân thủ theo pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT và Ban điều hành đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung, có đầy đủ các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát tham gia, có biên bản họp sau khi kết thúc, những cuộc họp lấy ý kiến các

thành viên đều được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, và phù hợp với Điều lệ công ty. Các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHCĐ và quy định của pháp luật.

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã ban hành kịp thời các Quy định, các Quy chế và các văn bản mới để áp dụng vào thực tiễn theo quy định của Tổng công ty và phù hợp với luật doanh nghiệp và luật pháp Việt Nam.
- Trong năm 2020 Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn như: nhiều hoạt chất bị loại ra khỏi danh mục kinh doanh theo quy định của nhà nước, tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, tình hình xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu long và hạn hán ở miền Trung. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã khắc phục khó khăn, kịp thời đưa ra nhiều chiến lược định hướng, tìm kiếm các sản phẩm thay thế, ban hành các chính sách bán hàng phù hợp, phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch, tiết kiệm chi phí nhằm hoàn thành kế hoạch được giao.

VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BGD :

- Trong năm qua, giữa BKS với HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.
- HĐQT tiếp tục giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.
- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

VII. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT :

- Công nợ phải thu khách hàng của Công ty đến cuối năm 2020 có tăng lên so với cùng thời điểm năm 2019. Ban kiểm soát đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường theo dõi và thu hồi nợ kịp thời, hạn chế tối đa phát sinh mới nợ quá hạn dẫn đến nợ xấu. Đối với các công nợ khó đòi, công nợ khởi kiện thì đề nghị Công ty tiếp tục theo dõi chặt chẽ, cập nhật tình hình tài chính, tài sản của khách hàng cũng như tiến độ, kết quả giải quyết của các cơ quan tòa án, thi hành án đối với các công nợ khách hàng có liên quan đến Công ty, để từ đó có biện pháp thu hồi công nợ khó đòi này, nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất cho đơn vị.
- Hàng tồn kho cuối năm 2020 tuy có giảm so với cùng thời điểm năm 2019 nhưng không đáng kể. Đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác quản lý hàng tồn kho của đơn vị, hạn chế tối đa việc tồn kho lâu ngày các nguyên vật liệu, vật tư sản xuất, cần đẩy mạnh công tác luân chuyển hàng hóa thành phẩm. Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát và có biện pháp xử lý các nguyên liệu, vật tư ứ đọng lâu ngày nhằm kéo giảm giá trị hàng tồn kho và quay vòng hàng tồn kho được nhanh hơn.

- Công nợ phải trả của Công ty cuối năm 2020 có tăng so với cùng thời điểm năm 2019. Đề nghị Công ty tiếp tục kiểm soát công nợ phải trả luôn ở mức an toàn. Bên cạnh đó, việc thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp, ngân hàng... phải luôn được quan tâm đề cao nhằm đảm bảo uy tín cho đơn vị.
- Cần tăng cường hơn nữa công tác quản trị rủi ro, chú trọng đến việc đảm bảo an toàn tài chính cho đơn vị, thường xuyên phân tích đánh giá tình hình tài chính của khách hàng....
- Tăng cường, hỗ trợ, đưa ra các chính sách phù hợp đối với một số đơn vị thường xuyên không đạt kế hoạch kinh doanh.
- Đề nghị xem xét lại tính hiệu quả TTTM Km21 của SPC.Lào nhằm giảm thiểu rủi ro và tổn thất cho đơn vị.

VII. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021

- Ban kiểm soát thay mặt cho cổ đông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ công ty;
- Kiểm soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm soát tình hình kinh doanh của Công ty, xem xét tiến độ hoạt động của các dự án, tình hình sử dụng nguồn vốn công ty, tình hình quản lý công nợ, hàng hóa tồn kho;
- Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành các Quy chế, Quy trình khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, quản lý vật tư hàng hóa, công nợ, chi phí và đầu tư của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất với HĐQT và Ban giám đốc
- Kiểm tra công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ tại các Phòng/Ban Công ty.
- Phối hợp cùng kiểm toán nội bộ để thực hiện các công việc kiểm tra, kiểm soát tại văn phòng công ty và các chi nhánh nhằm nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra.
- Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan.
- Thông qua chương trình kiểm toán và trực tiếp tham gia quyết toán Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cùng đơn vị kiểm toán độc lập.
- Thực hiện nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật..

Trân trọng !

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐ ;
- HĐQT/BGD
- Lưu: VT, BKS

TM BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

(*đã ký*)

Trần Đình Vũ

Số: 32/TTr-BVTVSG-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán
Phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán.
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn.

I. Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán:

- Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại báo cáo kiểm toán độc lập số 080321.004/BCTC.HCM ký ngày 08/3/2021.
- Thông qua báo cáo tài chính riêng (Công ty Mẹ) năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại báo cáo kiểm toán độc lập số 080321.003/BCTC.HCM ký ngày 08/3/2021.

(Đính kèm chi tiết báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)

II. Phân phối lợi nhuận năm 2020:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	46.934.077.952	
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.201.828.340	
3	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	37.732.249.612	
5	Thù lao HĐQT và BKS không kiêm nhiệm	132.000.000	Trừ LNST
6	Thù lao HĐQT và BKS kiêm nhiệm	60.000.000	Hạch toán CP
7	Lợi nhuận để phân phối các quỹ (4) - (5)	37.600.249.612	
8	Trích quỹ đầu tư phát triển (20%)	7.520.049.922	
9	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%)	7.520.049.922	Bao gồm Quỹ thưởng BDH theo nghị định 53
10	Chi trả cổ tức (17% vốn điều lệ)	17.901.000.000	
-	Đợt 1 (7% bằng tiền mặt)	7.371.000.000	Chi ngày 29/03/2020
-	Đợt 2 (10% bằng tiền mặt)	10.530.000.000	Sau ĐHCĐ
11	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	4.659.149.768	Chờ quyết toán thuế

III. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2021, Hội đồng quản trị thống nhất kính trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	40.500.000.000	
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.300.000.000	
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	32.200.000.000	
5	Thù lao HĐQT và BKS không kiêm nhiệm	132.000.000	Trừ LNST
6	Thù lao HĐQT và BKS kiêm nhiệm	60.000.000	Hạch toán CP
7	Lợi nhuận để phân phối các quỹ (4) - (5)	32.068.000.000	
8	Trích quỹ đầu tư phát triển (20%)	6.413.600.000	
9	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%)	6.413.600.000	Bao gồm Quỹ thưởng BDH theo nghị định 53
10	Chi trả cổ tức (17% vốn điều lệ)	17.901.000.000	
11	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.339.800.000	

Việc phân chia lợi nhuận sau thuế sẽ được thực hiện theo Điều 40 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

LÊ THỊ PHƯỢNG



Số: 080311-004/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng-Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được lập ngày 05 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

A member of HLB International

06-C.T.NH
TNHH
KIỂM TOÁN
SC
HỒ CHÍ MINH

030063
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẢO VỆ THỰC VẬT
SÀI GÒN
QUẬN 7-TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		576.101.888.219	548.481.104.187
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	59.296.398.314	46.167.925.580
111	1. Tiền		41.296.398.314	37.827.990.945
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	8.339.934.635
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.093.254.795	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.093.254.795	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		169.454.126.556	151.804.143.276
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	161.025.749.888	150.819.088.937
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.226.624.686	7.159.674.867
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	19.778.009.714	22.508.481.073
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(17.576.257.732)	(28.914.885.198)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	8	-	231.783.597
140	IV. Hàng tồn kho	10	336.625.231.092	345.701.832.632
141	1. Hàng tồn kho		345.330.302.326	352.843.625.550
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.705.071.234)	(7.141.792.918)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.632.877.462	4.807.202.699
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	1.013.181.709	1.286.586.104
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.501.324.169	3.409.537.034
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	118.371.584	111.079.561
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		64.365.068.870	61.518.551.919
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.955.203.500	1.347.671.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.955.203.500	1.347.671.000
220	II. Tài sản cố định		38.881.745.005	39.863.236.927
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	29.290.022.540	31.685.661.012
222	- Nguyên giá		143.901.809.931	139.748.050.525
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(114.611.787.391)	(108.062.389.513)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	4.284.713.720	2.694.854.794
225	- Nguyên giá		6.008.312.210	4.756.728.610
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.723.598.490)	(2.061.873.816)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	5.307.008.745	5.482.721.121
228	- Nguyên giá		9.261.423.802	9.261.423.802
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.954.415.057)	(3.778.702.681)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	1.397.659.877	1.777.244.503
231	- Nguyên giá		3.915.170.319	4.195.053.709
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.517.510.442)	(2.417.809.206)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.332.020.962	789.453.130
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.332.020.962	789.453.130
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.798.439.526	17.740.946.359
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	15.798.439.526	17.740.946.359
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		640.466.957.089	609.999.656.106

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		402.984.479.751	379.573.280.536
310	I. Nợ ngắn hạn		390.214.516.456	364.526.788.203
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	199.235.988.994	185.689.935.317
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		299.175.201	1.750.429.548
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	4.421.477.915	6.331.686.786
314	4. Phải trả người lao động		20.286.306.186	20.739.831.066
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.193.400.408	4.419.160.713
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	15.488.318.800	12.664.889.171
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	146.226.918.155	126.572.944.944
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		62.930.797	6.357.910.658
330	II. Nợ dài hạn		12.769.963.295	15.046.492.333
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	2.618.554.000	2.830.554.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	7.052.781.616	7.459.132.440
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.b	3.098.627.679	4.756.805.893
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		237.482.477.338	230.426.375.570
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	237.482.477.338	230.426.375.570
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		105.300.000.000	105.300.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		105.300.000.000	105.300.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		782.715.818	782.715.818
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		11.028.838.721	10.383.254.126
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		49.965.802.735	42.166.551.904
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		59.814.620.546	61.139.381.188
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		23.402.680.576	22.434.194.567
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		36.411.939.970	38.705.186.621
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		10.590.499.518	10.654.472.534
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		640.466.957.089	609.999.656.106

Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập

Bùi Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	1.162.603.084.278	1.263.391.602.805
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	24.477.386.168	28.988.934.588
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.138.125.698.110	1.234.402.668.217
11	4. Giá vốn hàng bán	27	884.749.745.043	974.357.552.395
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		253.375.953.067	260.045.115.822
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	4.659.002.265	5.157.968.219
22	7. Chi phí tài chính	29	36.928.714.802	31.382.069.459
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		8.203.391.223	8.002.103.890
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	30	147.388.202.477	158.067.935.994
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	28.142.793.292	31.773.891.121
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.575.244.761	43.979.187.467
31	12. Thu nhập khác	32	5.809.239.277	9.311.409.374
32	13. Chi phí khác	33	2.471.776.393	1.586.065.210
40	14. Lợi nhuận khác		3.337.462.884	7.725.344.164
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		48.912.707.645	51.704.531.631
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	13.570.308.773	14.582.265.449
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35.c	(1.658.178.214)	(2.522.339.489)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>37.000.577.086</u>	<u>39.644.605.671</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		36.411.939.970	38.705.186.621
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		588.637.116	939.419.050
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	3.458	3.676

Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập

Bùi Thị Anh Tuyết
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		48.912.707.645	51.704.531.631
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.714.169.708	9.135.404.724
03	- Các khoản dự phòng		(9.775.349.150)	(3.065.713.490)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		634.814.732	168.304.016
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.198.187.893)	(1.105.288.940)
06	- Chi phí lãi vay		8.203.391.223	8.002.103.890
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	1.218.427.236
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		55.491.546.265	66.057.769.067
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(12.020.816.508)	39.846.984.944
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7.513.323.224	52.514.060.590
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		7.499.870.339	(97.647.478.419)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.215.911.228	394.359.030
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.110.172.108)	(7.902.660.989)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.706.445.080)	(10.395.775.896)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.183.971.146)	(3.562.731.155)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.699.246.214	39.304.527.172
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.944.634.363)	(5.557.527.087)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		320.704.545	326.549.166
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.093.254.795)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		889.688.878	962.180.126
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.827.495.735)	(4.268.797.795)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		457.640.054.382	404.990.559.457
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(439.984.592.579)	(438.269.575.865)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(653.596.416)	(1.155.229.409)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(16.638.489.350)	(17.699.158.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		363.376.037	(52.133.404.417)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.235.126.516	(17.097.675.040)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT



Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		46.167.925.580	62.463.771.738
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		893.346.218	801.828.882
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>59.296.398.314</u>	<u>46.167.925.580</u>


Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập


Bùi Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2021



Số: 080321. 003 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được lập ngày 05 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		504.350.966.595	476.465.746.688
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	52.001.319.970	39.109.678.098
111	1. Tiền		34.001.319.970	30.769.743.463
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	8.339.934.635
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		164.296.549.025	146.533.103.538
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	179.048.076.817	164.833.867.538
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.237.275.843	2.791.091.671
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	22.445.571.645	30.548.626.680
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(39.434.375.280)	(51.640.482.351)
140	IV. Hàng tồn kho	09	286.967.326.076	289.239.545.082
141	1. Hàng tồn kho		295.121.796.961	296.037.815.154
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.154.470.885)	(6.798.270.072)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.085.771.524	1.583.419.970
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	776.765.292	1.071.349.685
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		301.644.952	512.070.285
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	7.361.280	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		62.671.130.916	63.439.444.622
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		889.267.500	623.935.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	889.267.500	623.935.000
220	II. Tài sản cố định		30.348.170.796	29.855.775.438
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	23.200.481.937	24.208.786.501
222	- Nguyên giá		126.162.033.059	121.694.179.921
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(102.961.551.122)	(97.485.393.420)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	4.284.713.720	2.694.854.794
225	- Nguyên giá		6.008.312.210	4.756.728.610
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.723.598.490)	(2.061.873.816)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	2.862.975.139	2.952.134.143
228	- Nguyên giá		4.317.451.250	4.317.451.250
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.454.476.111)	(1.365.317.107)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		560.706.880	651.806.880
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		560.706.880	651.806.880
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	15.891.391.939	15.891.391.939
251	1. Đầu tư vào công ty con		35.223.629.691	35.223.629.691
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.332.237.752)	(19.332.237.752)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.981.593.801	16.416.535.365
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	14.981.593.801	16.416.535.365
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		567.022.097.511	539.905.191.310

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		350.404.636.561	334.982.514.832
310	I. Nợ ngắn hạn		340.891.300.945	324.722.828.392
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	184.219.385.788	165.240.614.512
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		151.309.169	1.590.038.944
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.831.185.610	5.221.534.944
314	4. Phải trả người lao động		13.362.960.737	14.104.968.507
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.167.480.542	4.403.620.708
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	13.668.377.367	12.735.980.773
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	123.490.601.732	115.106.787.313
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	6.319.282.691
330	II. Nợ dài hạn		9.513.335.616	10.259.686.440
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.460.554.000	2.800.554.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	7.052.781.616	7.459.132.440
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		216.617.460.950	204.922.676.478
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	216.617.460.950	204.922.676.478
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		105.300.000.000	105.300.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		105.300.000.000	105.300.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		782.715.818	782.715.818
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		49.699.146.276	42.044.681.136
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		60.835.598.856	56.795.279.524
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.103.349.244	18.390.953.825
421b	LNST chưa phân phối năm nay		37.732.249.612	38.404.325.699
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		567.022.097.511	539.905.191.310

Bùi Thị Diễm Phúc

Bùi Thị Ánh Tuyết



Bùi Thị Diễm Phúc
 Người lập

Bùi Thị Ánh Tuyết
 Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
 Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	837.389.193.191	965.951.408.968
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	15.556.606.958	18.359.879.761
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		821.832.586.233	947.591.529.207
11	4. Giá vốn hàng bán	23	619.404.505.699	748.789.191.740
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		202.428.080.534	198.802.337.467
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	3.236.754.278	18.368.800.684
22	7. Chi phí tài chính	25	19.320.600.350	23.059.376.675
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.005.830.654	6.884.032.386
25	8. Chi phí bán hàng	26	118.167.397.519	124.759.010.730
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	22.721.809.301	27.714.742.667
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.455.027.642	41.638.008.079
31	11. Thu nhập khác	28	3.845.251.351	8.620.877.117
32	12. Chi phí khác	29	2.366.201.041	1.223.214.968
40	13. Lợi nhuận khác		1.479.050.310	7.397.662.149
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.934.077.952	49.035.670.228
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	9.201.828.340	10.631.344.529
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.732.249.612	38.404.325.699

Bùi Thị Diễm Phúc
Người lập

Bùi Thị Ánh Tuyết
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		818.429.718.164	1.005.407.851.950
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(652.854.725.554)	(847.515.669.332)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(81.685.237.821)	(74.616.289.874)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(6.916.276.829)	(6.800.129.490)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.222.962.650)	(6.600.184.540)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.386.192.027	25.174.468.195
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(60.362.418.162)	(75.267.096.941)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.774.289.175	19.782.949.968
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.583.884.713)	(4.112.089.650)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		320.704.545	257.053.364
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.328.366.052	874.000.774
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.065.185.884	(2.981.035.512)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		263.211.462.781	279.026.472.034
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(256.826.159.770)	(288.426.316.085)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(653.596.416)	(1.155.229.409)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.572.886.000)	(17.699.158.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.841.179.405)	(28.254.232.060)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.998.295.654	(11.452.317.604)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		39.109.678.098	49.784.730.733
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		893.346.218	777.264.969
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	52.001.319.970	39.109.678.098



Bùi Thị Diễm Phúc
 Người lập

Bùi Thị Ánh Tuyết
 Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Dũng
 Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Chi trả thù lao, khen thưởng của HĐQT, BKS

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS như sau:

1. Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020

Năm 2020, Công ty đã thực hiện công tác chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo đúng kế hoạch đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua với tổng số tiền là 192.000.000 đồng, chi tiết như sau:

Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2020	: 144.000.000 đồng
- Chủ tịch hội đồng quản trị	: hưởng lương chuyên trách
- Thành viên hội đồng quản trị	: 3.000.000 đồng/tháng
Tổng thù lao Ban kiểm soát năm 2020	: 48.000.000 đồng
- Trưởng Ban kiểm soát	: hưởng lương chuyên trách
- Thành viên Ban kiểm soát	: 2.000.000 đồng/tháng

Ngoài ra, năm 2020 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đã tích cực chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành khá tốt kế hoạch đề ra (Lợi nhuận trước thuế đạt 100,3%). Để khích lệ tinh thần và nâng cao hơn nữa trách nhiệm HĐQT, BKS và BDH, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông chi khen thưởng cho HĐQT, BKS, BDH Công ty số tiền là 370.000.000 đồng (tương đương 1%/LNST), trích từ lợi nhuận sau thuế sau khi đã phân phối quỹ và chi trả cổ tức. Việc phân bổ tiền khen thưởng thực hiện theo Quy chế trích lập, quản lý và phân phối Quỹ thưởng Ban điều hành.

2. Kế hoạch chi trả thù lao, khen thưởng HĐQT, BKS năm 2021

a. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021

Năm 2021, số lượng thành viên HĐQT, BKS dự kiến không thay đổi, Hội đồng quản trị gồm 05 người, Ban kiểm soát gồm 03 người. Mức thù lao cho năm 2020 cho HĐQT và BKS đề nghị như sau:

Chủ tịch Hội đồng quản trị:	Hưởng lương chuyên trách
Thành viên Hội đồng quản trị:	5.000.000 đồng/tháng

Trưởng Ban kiểm soát:

Hưởng lương chuyên trách

Thành viên Ban kiểm soát:

3.000.000 đồng/tháng

b. Kế hoạch khen thưởng HĐQT, BKS và BDH:

Để khích lệ và nâng cao trách nhiệm của HĐQT, BKS và BDH công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch khen thưởng HĐQT, BKS, BDH năm 2021 như sau:

Stt	Mức độ hoàn thành kế hoạch	Mức trích
1	Hoàn thành từ 100% đến 110% KH lợi nhuận	1% Lợi nhuận sau thuế
2	Hoàn thành trên 110% KH lợi nhuận	2% Lợi nhuận sau thuế (tối đa là 500 triệu đồng/năm)

Ghi chú: KH lợi nhuận là lợi nhuận hợp nhất trước thuế không bao gồm MJC

Việc phân bổ tiền khen thưởng thực hiện theo Quy chế trích lập và quản lý, phân phối Quỹ thưởng Ban điều hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Chân thành cảm ơn Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

LÊ THỊ PHƯỢNG

Số: 28/TTr-BVTVSG-BKS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

TỜ TRÌNH

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2021 của Công ty như sau :

1. Các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập :

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được UBCKNN và Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết.
- Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính.
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất :

- Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin Học TPHCM (AISC)
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.
- Hoặc các Công ty kiểm toán khác đạt được các tiêu chí trên.

3. Đề xuất của Ban kiểm soát :

- Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tiêu chí lựa chọn và danh sách các công ty kiểm toán đã nêu trên.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc lựa chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên theo đề xuất của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng !

TM.BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

(đã ký)

Trần Đình Vũ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
V/v bổ sung ngành nghề kinh doanh

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty;

Căn cứ như câu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh như sau:

Thời gian qua, việc khảo nghiệm phân bón của Công ty phải thực hiện tại dịch vụ bên ngoài với chi phí khá cao và phụ thuộc rất nhiều về thời gian, tiến độ thực hiện. Ngoài ra, thông tin phát triển sản phẩm mới không được bảo mật.

Nay đề chủ động hơn trong việc khảo nghiệm phân bón phục vụ cho đăng ký sản phẩm của Công ty, đồng thời đa dạng hóa ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh do nhiều sản phẩm của Công ty bị loại ra khỏi danh mục của Cục Bảo vệ Thực vật, tình hình cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh khảo nghiệm phân bón:

- Mã ngành: 7120
- Tên ngành, nghề kinh doanh: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
Chi tiết: Khảo nghiệm phân bón (chỉ thực hiện khi có đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm).

Đồng thời thực hiện bổ sung ngành nghề vào Điều lệ Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT.

(đã ký)

LÊ THỊ PHƯƠNG

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đang được giao dịch trên hệ thống UPCoM với mã chứng khoán SPC. Để tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, nâng cao hình ảnh, quảng bá thương hiệu Công ty trên thị trường và đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chuyển sàn giao dịch cổ phiếu SPC của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu SPC của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và chuyển sang đăng ký niêm yết cổ phiếu SPC tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội khi Công ty đáp ứng đủ điều kiện niêm yết theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:
 - Tên cổ phiếu: *Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn*
 - Loại cổ phiếu: *Cổ phiếu phổ thông*
 - Mã cổ phiếu: *SPC*
 - Số lượng cổ phiếu hủy đăng ký giao dịch chuyển sang đăng ký niêm yết tại SGDCK Hà Nội: *toàn bộ số lượng cổ phiếu SPC tại thời điểm đăng ký niêm yết cổ phiếu tại SGDCK Hà Nội.*
 - Thời gian thực hiện: *Dự kiến trong năm 2021.*
2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm triển khai thực hiện cụ thể, hoàn thiện hồ sơ thủ tục liên quan và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình.

TP.HCM, ngày 06 tháng 4 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

LÊ THỊ PHƯƠNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Sau khi rà soát lại các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được sửa đổi để phù hợp với Luật doanh nghiệp, theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua những điểm sửa đổi Điều lệ Công ty theo Phụ lục được đính kèm Tờ trình này và ủy quyền cho Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm sửa đổi Điều lệ Công ty theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

(đã ký)

LÊ THỊ PHƯƠNG

SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

(Theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán)
(Đính kèm Tờ trình số 29/TTr-BVTVSG-HDQT ngày 06/4/2021)

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>f. "Cán bộ quản lý" là các chức danh quản lý khác được nêu trong qui chế phân công, phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p> <p>g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>m. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p>	<p>Điều 1: Giải thích thuật ngữ</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và Cán bộ quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;</p> <p>m. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;</p>	<p>Sửa đổi cơ sở pháp lý theo các văn bản pháp luật hiện hành.</p> <p>Sửa đổi định nghĩa "<i>Người quản lý doanh nghiệp</i>" theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Sửa đổi quy định "Người có liên quan" tham chiếu theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019.</p> <p>Sửa đổi quy định "Cổ đông lớn" tham chiếu theo Luật Chứng khoán năm 2019.</p>
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>Sửa theo Điều 2 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Bổ sung: Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;</p> <p>b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ</p>	<p>Sửa theo Điều 3 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
	<p>hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.</p> <p>d. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật</p>	
<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 0 của Điều này.</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p> <p>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>đ) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p> <p>e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);</p> <p>g) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh Nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p> <p>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</p> <p>3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị hủy bỏ và</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>Sửa đổi toàn bộ nội dung tại Điều 7 theo Điều 7 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Lý do: Theo quy định tại Điều 121 Luật doanh nghiệp, toàn bộ cổ phiếu hiện nay là cổ phiếu ghi danh (không có cổ phiếu vô danh).</p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>		
<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.</p>	<p>Bãi bỏ cụm từ "Trung tâm Giao dịch Chứng khoán" do hiện nay chỉ có Sở Giao dịch Chứng khoán, không có Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p>
<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)</p>	<p>Sửa theo Điều 10 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 129 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>f. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp</p> <p><u>Bổ sung</u> :</p>	<p>Sửa đổi Khoản 2 của Điều 12 theo quy định tại Khoản 2 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>- Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.</p> <p>- Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 3 và bổ sung thêm Khoản 4 của Điều 12 theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Bổ sung : Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 13 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bãi bỏ một số trường hợp phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường do Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC không quy định. Cụ thể:</p> <p>(1) "<i>Báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ</i>";</p> <p>(2) "<i>số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này</i>"</p>
<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập</p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>e. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>Bổ sung: Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 15 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Sửa đổi quy định tham chiếu theo</p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	<p>giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>Bãi bỏ.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p> <p>Quy định về các trường hợp cổ đông không được tham gia bỏ phiếu đã được bãi bỏ theo Điều 15 của Điều lệ mẫu hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự.</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự hợp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 16 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>Sửa đổi nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>Sửa đổi nội dung theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-</p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp</p>	<p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp</p>	BTC.
<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	Sửa đổi tỷ lệ “ít nhất 51%” thành “trên 50%” theo quy định tại khoản 1 điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020. Khoản 2 và Khoản 3 bãi bỏ về giới hạn thời gian “trong vòng ba mươi phút” tham chiếu theo khoản 2 và khoản 3 điều 19 của điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng, hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	<p>Sửa đổi nội dung theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự; theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu (thành viên) tham dự.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>13. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p>	<p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại</p>	

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	<p>hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>BS 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Sắp xếp lại cấu trúc các khoản cho phù hợp theo Điều 21 của điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Sửa cụm từ “từ 51%” thành “trên 50%” phù hợp theo khoản 2 điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>		
<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội ĐCD</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Bỏ</p> <p>Bỏ</p> <p>Bỏ</p> <p>3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi nội dung theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được ng nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa đổi nội dung theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10%</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Bổ sung: Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10%</p>	<p>Sửa đổi nội dung theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Bãi bỏ quy định về điều kiện cổ đông, nhóm cổ đông phải nắm giữ cổ phiếu trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng mới được quyền ứng cử, đề cử HĐQT.</p>
<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành, cán bộ quản lý và quyết định mức lương của họ;</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành, cán bộ quản lý và quyết định mức lương của họ;</p>	<p>Sửa đổi nội dung theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>BS: Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa đổi nội dung theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 36. Thư ký công ty</p>	<p>Sửa đổi tên Điều 32</p> <p>Điều 32. Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4 vào Điều 32</p> <p>2. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị</p>	<p>Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 điều 41 Luật Chứng khoán 2019: “<i>Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước</i></p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
	<p>công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><i>cổ đông về hoạt động của công ty; bảo đảm hoạt động của công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy định nội bộ của công ty; xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty và có các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty”.</i></p> <p>Tham chiếu theo quy định tại điều 281 nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 38. Kiểm soát viên</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành và cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 38. Trưởng ban Kiểm soát</p> <p>3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p> <p>a. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>b. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>i) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>ii) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>iii) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bãi bỏ quy định về yêu cầu Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty theo khoản 2 điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Sửa đổi nội dung tại Khoản 3 Điều 38 theo Điều 38 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>5. b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành và cán</p>	<p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>5. b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều</p>	<p>Bổ sung thêm quy định “giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên” tham</p>

Nội dung Điều lệ hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
<p>bộ quản lý đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.</p>	<p>hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	<p>chiếu theo điểm b khoản 6 điều 44 của điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 52. Con dấu</p>	<p>Điều 52. Dấu của doanh nghiệp Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	<p>Sửa đổi nội dung theo quy định tại Điều 52 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 53. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 53. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p>	<p>Sửa đổi nội dung theo quy định tại Điều 53 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/ 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Sau khi rà soát lại các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị đã xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn để phù hợp với Luật doanh nghiệp, theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và phù hợp với Điều lệ Công ty mới sửa đổi của Công ty.

Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn theo Phụ lục được đính kèm Tờ trình này. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

(đã ký)

LÊ THỊ PHƯƠNG

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày... tháng... năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

Giải thích từ ngữ, viết tắt:

1. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn;
- b) “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn;
- c) “Quản trị Công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
- d) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- e) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- f) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- g) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- h) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty. (NĐ71)
- i) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng;

- j) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và Cán bộ quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- k) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
- l) "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc, kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác .
- m) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- n) "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- o) "Cổ đông" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
- p) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc); trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người liên quan.

CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty; trường hợp Công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b) Phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông có thể đăng ký tham dự cuộc họp theo những cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty.

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung
 - a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - b) Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.
2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.

b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- a) Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- b) Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

- a) Mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- b) Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- c) Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- d) Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;
- e) Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;

- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

f) Nguyên tắc trúng cử:

- + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 14. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp nếu như Điều lệ Công ty không có quy định khác.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong

báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.

7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

CHƯƠNG III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 20. Trình tự, thủ tục hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
 - b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành, cán bộ quản lý và quyết định mức lương của họ;
 - d) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành và cán bộ quản lý;
 - e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại.
 - f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.
 - h) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - j) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - k) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - l) Quyết định chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

- m) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);
- o) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- b) Thành lập các công ty con của Công ty;
- ⇒ Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;
- d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i) k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành và cán bộ quản lý trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới, người điều hành và cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc,
3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 23. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty,
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
 - d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
 - đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 24. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;

- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- c) Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 29. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).

Điều 30. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Riêng Chủ tịch HĐQT chuyên trách được Công ty trả lương theo quy chế trả lương của Công ty và mức lương được HĐQT thông qua.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 32. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

2. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty

Điều 33. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 34. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 35. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 36. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Điều 37. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và thành viên HĐQT tham dự họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Theo phân công của Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty để thực hiện;

7. Biên bản sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi;

8. Biên bản họp HĐQT được ghi vào SỔ BIÊN BẢN có đánh số trang liên tục, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp vào từng trang hoặc có thể được lập dưới dạng văn bản rời, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Văn bản này phải được đóng dấu giáp lai và được lưu trữ theo thứ tự thời gian tại trụ sở Công ty.

Điều 38. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. HĐQT sẽ ban hành Nghị quyết đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT. Nghị quyết của HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp;

Nghị quyết hay Quyết định của HĐQT phải được ban hành chậm nhất không quá năm (05) ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp HĐQT hoặc ngày chốt lấy ý kiến đối với trường hợp

thông qua bằng văn bản và phải được gửi ngay đến tất cả thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc) để phối hợp triển khai và giám sát thực hiện;

2. Căn cứ Biên bản cuộc họp/Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký các văn bản ban hành các Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác của HĐQT để thực hiện trong toàn Công ty;

Các Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để theo dõi và giám sát thực hiện.

Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.
 - a) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
 - b) Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát
 - i) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - ii) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - iii) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
- đ) Không làm việc trong bộ phận kế toán tài chính Công ty;
- e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 43. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 24 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 44. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được Công bố theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 47. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)

Điều 48. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình bao gồm:
 - i) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - ii) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
- đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
- d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 01 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Tuyển dụng lao động.

j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

Điều 49. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc); Ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. Hội đồng quản trị có thể quyết định việc thuê Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc là người nước ngoài.

2. Nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải là

những người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc (Tổng Giám đốc):

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 50. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với giám đốc (Tổng Giám đốc) trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 52. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho Giám đốc hoặc Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao, tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)

Điều 53. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong các mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát
 - a) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - c) Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
- i. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị
 - d) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
 - f) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - g) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

h) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

i) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 54. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng Giám đốc), Người điều hành doanh nghiệp khác và cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động Công ty. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Giám đốc (Tổng Giám đốc) đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.

Điều 55. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, Ban kiểm soát có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị trước khi cung cấp hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- a) Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc;
- d) Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- e) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- f) Tài liệu liên quan khác.

Điều 56. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc)

Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

1. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng Giám đốc) (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm;
2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) để có cơ sở giúp Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc (Tổng Giám đốc) trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Giám đốc (Tổng Giám đốc), Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng Giám đốc) tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng thông tin khi chưa được pháp công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện giao dịch có liên quan.
6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Giám đốc (Tổng Giám đốc) sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 57. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc (Tổng giám đốc) và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
2. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm điều hành trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phải báo cáo cho các cơ quan này khi có yêu cầu.

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao các hoạt động và quản lý Công ty, Giám đốc (Tổng giám đốc) gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.
4. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong 07 ngày.

CHƯƠNG IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 58. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác và cán bộ quản lý

Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc).

Giám đốc (Tổng Giám đốc) chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý từ Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, Trưởng phòng/ban, Giám đốc/Trưởng các đơn vị trực thuộc trong Công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận của toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các cấp sau:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- c) Hoàn thành nhiệm vụ;
- d) Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 59. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
2. Chế độ khen thưởng
 - a. Bằng tiền.
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ quỹ thi đua khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận. Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.
5. Việc khen thưởng thực hiện theo Quy chế Quản lý, phân phối sử dụng Quỹ thưởng Ban điều hành của Công ty do Hội đồng Quản trị ban hành.

Điều 60. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 61. Ngày hiệu lực

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn bao gồm 10 chương, 61 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LÊ THỊ PHƯƠNG

MỤC LỤC

Giải thích từ ngữ, viết tắt:	1
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.....	4
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết.....	6
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu bầu cử.....	7
Điều 14. Cách thức kiểm phiếu.....	8
Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	8
Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	8
Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	10
CHƯƠNG III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN .11	11
Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	11
CHƯƠNG IV. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 21. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 23. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 24. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 29. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	18
Điều 30. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	19
CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 31. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.....	19

Điều 32. Thông báo họp Hội đồng quản trị	20
Điều 33. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát	20
Điều 34. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	20
Điều 35. Cách thức biểu quyết.....	21
Điều 36. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 37. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị	21
Điều 38. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty	23
CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT.....	24
Điều 40. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	24
Điều 41. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát	25
Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	25
Điều 43. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	26
Điều 44. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát	26
Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	26
Điều 46. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	27
Điều 47. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	27
CHƯƠNG VII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)	28
Điều 48. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng Giám đốc)	28
Điều 49. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc (Tổng Giám đốc).....	29
Điều 50. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc)	30
Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc).....	30
Điều 52. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc)	30
CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC).....	31
Điều 53. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	31
Điều 54. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng Giám đốc).....	32
Điều 55. Việc tiếp cận thông tin	32
Điều 56. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc)	32
Điều 57. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc (Tổng giám đốc) và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	33
CHƯƠNG IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	34
Điều 58. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác và cán bộ quản lý.....	34
Điều 59. Khen thưởng.....	34
Điều 60. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	35
CHƯƠNG X. HIỆU LỰC THI HÀNH	35
Điều 61. Ngày hiệu lực	35

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Sau khi rà soát lại các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị đã xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn để phù hợp với Luật doanh nghiệp, theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và phù hợp với Điều lệ Công ty mới sửa đổi của Công ty.

Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn theo Phụ lục được đính kèm Tờ trình này. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

(đã ký)

LÊ THỊ PHƯỢNG



PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Sốngày tháng năm 2021;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

Giải thích từ ngữ, viết tắt:

Ngoài các định nghĩa được ghi nhận tại Điều lệ của Công ty, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu, viết tắt như sau:

1. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc điều hành), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc điều hành), Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
2. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Các từ “Bao gồm”, “Cụ thể” sẽ mang tính chất liệt kê nhưng không hàm ý chỉ giới hạn trong những phần liệt kê đó mà có thể được mở rộng hơn nếu không trái với bất cứ quy định nào của Công ty hay pháp luật;
4. “Giám đốc/Tổng Giám đốc” hay “Giám đốc/Tổng Giám đốc điều hành” được hiểu là Tổng Giám đốc theo Luật định;
5. “Phó Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc” hay “Phó Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc điều hành” được hiểu là Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc theo Luật định.
6. Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được viết tắt là “SPC/Công ty”;
7. Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được viết tắt là “Điều lệ Công ty”;
8. Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được viết tắt là “Quy chế quản trị Công ty”;
9. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được viết tắt là “Quy chế HĐQT”;
10. Hội đồng Quản trị viết tắt là “HĐQT”;
11. Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Công ty và/ hoặc trong Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được xây dựng căn cứ theo Điều lệ Công ty và Quy chế Công ty.
2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của HĐQT, của các Thành viên HĐQT và của cán bộ nhân viên khác hoạt động trong lĩnh vực quản lý của Công ty. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này mâu thuẫn với Điều lệ Công ty thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được áp dụng;

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Chương trình hoạt động của HĐQT được xây dựng theo hàng quý hoặc theo các kỳ họp HĐQT và hàng năm theo Điều lệ, nghị quyết ĐHCĐ và yêu cầu công tác của Công ty;
4. Căn cứ vào nghị quyết, chương trình công tác của HĐQT và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên HĐQT phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công;
5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc thanh toán các chi phí này phải được Chủ tịch HĐQT chấp thuận và không trái với Quy chế Tài chính của Công ty;
6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến vi phạm Quy chế quản trị Công ty, Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn chung của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến vị trí, điều kiện công tác và/ hoặc năng lực cá nhân theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT;

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Có đơn từ chức;
 - c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý điều hành trực tiếp của Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty,
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản đã được HĐQT thông qua thuộc thẩm quyền của HĐQT (ngoài các văn bản đã giao cho Giám đốc (Tổng Giám đốc));

f) Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐQT;

g) Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền thường xuyên một số quyền hạn và trách nhiệm cho Phó chủ tịch hoặc thành viên HĐQT theo văn bản ủy quyền;

h) Ký các văn bản nhân danh ĐHCĐ khi đã được ĐHCĐ thông qua hoặc ủy quyền;

i) Chủ tịch HĐQT phụ trách quản lý chung hoạt động của HĐQT và trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc khác đã được HĐQT giao quyền hoặc được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT không xử lý công việc đã ủy quyền cho Phó Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT, trừ trường hợp hiệu lực ủy quyền đã hết;

j) Chủ tịch HĐQT có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, tài liệu từ cán bộ, nhân viên về hoạt động của Công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty như sau:

a) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

- c) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- d) Xây dựng, theo dõi Chương trình hoạt động của HĐQT và Lịch công tác của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT
- e) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; Làm biên bản các cuộc họp;
- f) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT. Hỗ trợ Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- h) Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT;
- i) Soạn thảo các văn bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT;
- j) Giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT
- k) Tổng hợp trình HĐQT và Chủ tịch HĐQT các đề nghị, văn bản, tài liệu do Giám đốc (Tổng giám đốc) trình cũng như các văn bản của các cơ quan, đơn vị khác gửi đến HĐQT
- l) Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của HĐQT. Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT. Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các Nghị quyết, văn bản của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT theo quy định của Công ty;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và do HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết

hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

15.1 Chế độ họp

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. HĐQT có thể họp bất thường do Chủ tịch HĐQT triệu tập. Đối với các vấn đề không cần thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Nghị quyết/Quyết định

của HĐQT được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết/Quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Kiểm toán viên độc lập đề bản về báo cáo kiểm toán và tình hình hoạt động của Công ty.
- đ) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều 15.1 của Quy chế này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

15.2 Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT

1. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải được gửi đến cho các thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức cuộc họp. Các thành viên HĐQT có thể từ chối Thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố;

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng fax, thư điện tử, đường bưu điện hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều 15.1 của Quy chế này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty;

Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên khác của HĐQT lựa chọn hoặc những người đề nghị tổ chức cuộc họp (trừ mục 3.d) sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận phải được thông báo đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất năm ngày trước khi tổ chức cuộc họp.

Nội dung cuộc họp bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc do người đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường chuẩn bị, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng và cấp bách của Công ty.

Trong khả năng cho phép, người triệu tập cuộc họp có thể yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty chuẩn bị các tài liệu, nội dung để xem xét thảo luận tại cuộc họp

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp, chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Địa điểm cuộc họp sẽ do Chủ tịch HĐQT hoặc người có thẩm quyền triệu tập cuộc họp quyết định, kể cả ở nước ngoài (nếu cần thiết);

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

15.3 Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

15.4 Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT

1. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổ thư ký, Ban Kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty được mời họp dự thính khi cần thiết;

2. Những người quản lý khác, đại diện các tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể được mời tham dự cuộc họp khi cần thiết;

3. Khi thảo luận về các vấn đề có liên quan đến thẩm quyền quyết định của chính quyền thì HĐQT có thể mời đại diện của chính quyền có liên quan tham dự cuộc họp. Trường hợp có liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty thì HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở Công ty dự họp;

4. Những người được mời họp dự thính không phải là thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

15.5 Chuẩn bị các nội dung để thảo luận trong các cuộc họp của HĐQT

1. Những người được mời họp có nghĩa vụ chuẩn bị các nội dung cần thảo luận của mình dựa trên tài liệu mời họp để trình bày tại cuộc họp của HĐQT; Khi cần thiết, những người này có thể liên hệ với Tổ thư ký hoặc người triệu tập cuộc họp mà không phải Chủ tịch HĐQT để yêu cầu cung cấp thêm thông tin
2. Chủ tọa phiên họp HĐQT định kỳ trình bày Báo cáo của Chủ tịch HĐQT, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các công việc khác do Chủ tịch HĐQT giải quyết giữa hai phiên họp HĐQT, đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để HĐQT xem xét, quyết định. Các thành viên HĐQT dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề do Chủ tịch HĐQT trình ra phiên họp
3. Các thành viên HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐQT phân công; phải chịu trách nhiệm cá nhân về những ý kiến nhận xét, đánh giá, phát biểu và nội dung biểu quyết của mình.
4. Các thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp của HĐQT, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

15.6 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

1. Một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Mỗi thành viên HĐQT tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.
2. Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong Biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

15.7 Biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

4. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Việc biểu quyết thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 30 – Điều lệ Công ty.

6. Nếu lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản thì trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo và tài liệu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT phải gửi văn bản thông báo hoặc phiếu ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu quá thời hạn trên mà thành viên đó không gửi văn bản thông báo hoặc phiếu ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thì xem như đã chấp thuận nội dung đề cập.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và thành viên HĐQT tham dự họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
6. Theo phân công của Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty để thực hiện;
7. Biên bản sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi;
8. Biên bản họp HĐQT được ghi vào SỔ BIÊN BẢN có đánh số trang liên tục, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp vào từng trang hoặc có thể được lập dưới dạng văn bản rời, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Văn bản này phải được đóng dấu giáp lai và được lưu trữ theo thứ tự thời gian tại trụ sở Công ty.

Điều 17. Nghị quyết, quyết định của HĐQT

1. HĐQT sẽ ban hành Nghị quyết đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT. Nghị quyết của HĐQT phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được phản ánh đầy đủ trong Biên bản cuộc họp;
- Nghị quyết hay Quyết định của HĐQT phải được ban hành chậm nhất không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp HĐQT hoặc ngày chốt lấy ý kiến đối với trường

hợp thông qua bằng văn bản và phải được gửi ngay đến tất cả thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc) để phối hợp triển khai và giám sát thực hiện;

2. Căn cứ Biên bản cuộc họp/Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký các văn bản ban hành các Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác của HĐQT để thực hiện trong toàn Công ty;

Các Quyết định, Quy định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để theo dõi và giám sát thực hiện.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ

đồng quyết định tại cuộc họp thường niên. Riêng Chủ tịch HĐQT chuyên trách được Công ty trả lương theo quy chế trả lương của Công ty và mức lương được HĐQT thông qua.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải

trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
2. HĐQT không can thiệp vào công tác điều hành của Giám đốc (Tổng giám đốc) Công ty. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác,... do Tổng giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt. Hàng năm, HĐQT có kế hoạch làm việc với các Đơn vị trực thuộc của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và đề kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT;
3. HĐQT sử dụng các phòng ban chức năng và/hoặc các chuyên viên của Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan;
4. Tổ Thư ký Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi & đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty; Tất cả

các hồ sơ, văn bản của Ban điều hành Công ty trình HĐQT, Tổ thư ký có trách nhiệm gửi cho HĐQT ngay trong ngày làm việc tiếp theo;

5. Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến công tác quản lý phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý;

6. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số HĐQT và bản lưu phải được quản lý riêng;

7. HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty.

8. Các hồ sơ, văn bản do Ban điều hành trình HĐQT, HĐQT có văn bản trả lời hoặc ban hành Nghị quyết, Quyết định trong thời gian tối đa là mười (10) ngày làm việc.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. BKS thực hiện việc thẩm định và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.

3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 24. Quan hệ làm việc với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên

1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của các tổ chức này tại Công ty;

2. HĐQT đồng ý cho Tổng giám đốc Công ty ký thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty và tạo cơ chế để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng được trích lập từ lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Điều 25. Quan hệ với cổ đông

1. HĐQT bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty;
2. HĐQT có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với các cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty;
3. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

CHƯƠNG VII. PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)

Điều 26. Trong lĩnh vực hợp tác và đầu tư

1. Trong khuôn khổ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT quyết định việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần, Công ty TNHH, Công ty liên doanh, góp vốn tham gia hợp tác kinh doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty). Trong từng thời điểm nhất định, căn cứ đề nghị của Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty và của người đại diện phần vốn góp của Công ty, HĐQT có thể quyết định điều chỉnh các khoản vốn góp này trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT nhằm mục đích bảo toàn và sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả nhất;
2. Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả việc sử dụng các khoản vốn góp này ở từng Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty. Hàng quý, Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty và người đại diện phần vốn góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo HĐQT tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty;
3. Thẩm quyền quyết định đầu tư, sử dụng vốn và các nội dung khác liên quan đến đầu tư ra bên ngoài, thực hiện theo Quy chế tài chính của Công ty.

Điều 27. Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản

1. HĐQT xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án đầu tư với tổng mức đầu tư được quy định trong Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty.
2. Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty xem xét quyết định và chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư nằm trong kế hoạch đầu tư XDCB đã được HĐQT phê duyệt;
3. Người/cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án đầu tư nêu tại Điều 27.1 và Điều 27.2 có quyền phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi

công, dự toán, tổng dự toán, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án và các công việc khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đấu thầu, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư đưa dự án vào sử dụng đúng quy định của pháp luật.

Điều 28. Trong lĩnh vực mua sắm/mua bán kinh doanh hàng hóa và dịch vụ

1. Đối với việc tổ chức mua sắm hàng hóa và dịch vụ (vật tư, nguyên nhiên vật liệu,...) trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt trong kế hoạch hàng năm, Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình;
2. Đối với việc mua bán kinh doanh hàng hóa và dịch vụ (mua bán hàng hóa, dịch vụ thực hiện dự án cho khách hàng, thực hiện phương án kinh doanh, cho thuê thiết bị và cung cấp dịch vụ từ nguồn lực của Công ty,...), Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty quyết định và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 29. Trong lĩnh vực tổ chức và nhân sự

1. Về lĩnh vực tổ chức bộ máy:
 - a) HĐQT quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty và quyết định thành lập và giải thể công ty con, các xí nghiệp thành viên, chi nhánh, văn phòng đại diện (Đơn vị trực thuộc) theo đề nghị của Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty; phê chuẩn các Quy chế của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - b) Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty quyết định thành lập và giải thể các phòng ban chức năng của Công ty phù hợp với cơ cấu tổ chức Công ty đã được HĐQT phê duyệt.
2. Về lĩnh vực nhân sự:
 - a) HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc), các Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác (Cán bộ quản lý khác) của Công ty theo đề nghị của Giám đốc (Tổng Giám đốc) (trừ trường hợp người được bổ nhiệm, miễn nhiệm hay cách chức là Giám đốc (Tổng Giám đốc));
Cán bộ quản lý khác bao gồm: Giám đốc Xí nghiệp; Trưởng các phòng ban chức năng trong Công ty, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con, Trưởng văn phòng đại diện trực thuộc Công ty.
 - b) HĐQT quyết định cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty ở Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty theo đề nghị của Giám đốc (Tổng Giám đốc);
 - c) Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh không do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; quyết định cử người của

Công ty đảm nhận các chức danh khác theo thỏa thuận với các bên liên quan trong các Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty.

3. Về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài

a) Giám đốc (Tổng Giám đốc) quyết định cử các cán bộ của Công ty đi công tác nước ngoài theo yêu cầu công việc.

b) Đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty và Giám đốc (Tổng Giám đốc) khi đi công tác nước ngoài thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 30. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền

1. HĐQT báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về Báo cáo tài chính hàng năm, định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung, dài hạn của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ;

2. Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty báo cáo và giải trình trước ĐHĐCĐ về:

a) Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý/năm trên cơ sở thực hiện các văn bản chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được HĐQT phê duyệt;

b) Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê mướn, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty theo quy định tại Điều 34, Điều lệ Công ty;

c) Các báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan, chính quyền các cấp về bảo đảm an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường cũng như những hoạt động xã hội khác của Công ty.

3. Giám đốc (Tổng Giám đốc) có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý, cấp sổ chứng nhận cổ đông, các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, quản lý thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; lập các báo cáo về quản lý cổ đông trình HĐQT định kỳ sáu (06) tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT;

4. Khi cần thiết, Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty có thể được HĐQT ủy quyền báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề khác đã được HĐQT xem xét thông qua.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn bao gồm 7 chương, 31 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng.....năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Giải thích từ ngữ, viết tắt:.....	1
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	6
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	11
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	12
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	13
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	14
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	14
15.5 Chuẩn bị các nội dung đề thảo luận trong các cuộc họp của HĐQT	17
15.6 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác	17
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	18
Điều 17. Nghị quyết, quyết định của HĐQT	19
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	20
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm.....	20
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	21
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành.....	22
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	23
Điều 24. Quan hệ làm việc với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên	23
Điều 25. Quan hệ với cổ đông	24
CHƯƠNG VII. PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)	24
Điều 26. Trong lĩnh vực hợp tác và đầu tư	24
Điều 27. Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản	24
Điều 28. Trong lĩnh vực mua sắm/mua bán kinh doanh hàng hóa và dịch vụ	25
Điều 29. Trong lĩnh vực tổ chức và nhân sự.....	25
Điều 30. Về thực hiện trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý có thẩm quyền.....	26
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	27
Điều 31. Hiệu lực thi hành	27

Số: 27/TTr-BVTVSG-BKS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

V/v điều chỉnh, bổ sung Quy chế hoạt động
của Ban kiểm soát

TỜ TRÌNH

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Nhằm điều chỉnh, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với pháp luật hiện hành, Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát với những nội dung sau:

Điều chỉnh Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo NĐ 155/2020/NĐ-CP và TT 116/2020/TT-BTC.

Quy chế mới gồm 06 Chương và 21 Điều. (Chi tiết xem phụ lục đính kèm)

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng !

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(đã ký)

TRẦN ĐÌNH VŨ

**SO SÁNH QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT THEO LUẬT
DOANH NGHIỆP 2020 SO VỚI LUẬT DOANH NGHIỆP 2014**

Luật Doanh nghiệp 2014	Luật Doanh nghiệp 2020
Tên gọi: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.	Tên gọi: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
Mẫu Quy chế : Theo mẫu biểu Công ty tự xây dựng.	Mẫu Quy chế : Theo mẫu biểu của Bộ Tài chính.
Điều 163. Ban kiểm soát	Điều 168. Ban kiểm soát
Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.	Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
Điều 164. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	Điều 169. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên
1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
a. Có hành vi năng lực dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này.	a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này.
b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.	b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.
Điều 165. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 170. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát
	Bổ sung: Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
Điều 169. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Điều 174. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên
Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong trường hợp không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.	Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong trường hợp không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

TPHCM, ngày... tháng...năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn bao gồm các nội dung sau.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật.

2. Quy chế này áp dụng cho Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn, thành viên Ban kiểm soát và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn).

2. Trưởng ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty) có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.

c. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm quan trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

d. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

- c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên liên quan của Công ty;
 - e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có)
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành

viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất (02) lần trong một năm, số lượng thành viên dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây :

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm giữ quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là người sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây :

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ vào thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phục thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn bao gồm 06 Chương 21 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021
2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng
3. Các Kiểm soát viên Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
4. Các quy định khác không được nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TRẦN ĐÌNH VŨ



PHIẾU BIỂU QUYẾT

Cổ đông:

Mã số cổ đông:

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện:

Sau khi nghiên cứu các tờ trình của HĐQT, tôi có ý kiến biểu quyết các vấn đề liên quan như sau:

Vấn đề 1: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2020, kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 2: Thông qua kết quả SXKD năm 2020 và phương hướng năm 2021 của Ban điều hành

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 3: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2020, kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 4: Thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2020; phân phối lợi nhuận 2020 và kế hoạch 2021

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 5: Thông qua thù lao, khen thưởng HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 6: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2021

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 7: Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh và cập nhật vào Điều lệ công ty

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 8: Thông qua chuyển sàn giao dịch từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại HNX

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 9: Thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 10: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 11: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

Vấn đề 12: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Đồng ý Không đồng ý Không có ý kiến

TP.HCM, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Cổ đông (ký tên)

Số:/NQ-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn ngày 09/4/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch phát triển năm 2021

Đại hội thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty như sau:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	1.236.000.000.000	1.138.125.698.110	92,08%
Lợi nhuận trước thuế	49.800.000.000	48,912,707,645	98%
Lợi nhuận sau thuế	39.800.000.000	37.000.577.086	93%
Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	3.779	3.514	93%

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	
	Chưa hợp nhất MJC	Sau khi hợp nhất MJC
Doanh thu thuần	950,000,000,000	1.233.500.000.000
Lợi nhuận trước thuế	40.500.000.000	42.600.000.000
Lợi nhuận sau thuế	32.200.000.000	33.880.000.000
Tỷ lệ chi trả cổ tức	17%	17%

Điều 2. Thông qua nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát:

Đại hội thống nhất thông qua báo cáo Ban Kiểm soát công ty gồm các nội dung như sau:

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020
- Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, Phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Đại hội đã biểu quyết thông qua:

+ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

- Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại báo cáo kiểm toán độc lập số 080321.004/ BCTC.HCM ký ngày 08/03/2021.
- Thông qua báo cáo tài chính riêng (Công ty Mẹ) năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại báo cáo kiểm toán độc lập số 080321.003/ BCTC.HCM ký ngày 08/03/2021

+ Phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

- Phân phối lợi nhuận năm 2020:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	46.934.077.952	
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.201.828.340	
3	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	37.732.249.612	
4	Thù lao HĐQT và BKS không kiêm nhiệm	132.000.000	Trừ LNST
5	Thù lao HĐQT và BKS kiêm nhiệm	60.000.000	Hạch toán CP
6	Lợi nhuận để phân phối các quỹ (4) - (5)	37.600.249.612	
7	Trích quỹ đầu tư phát triển (20%)	7.520.049.922	
8	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%)	7.520.049.922	Bao gồm Quỹ thưởng BDH theo nghị định 53
9	Chi trả cổ tức (17% vốn điều lệ)	17.901.000.000	
-	<i>Đợt 1 (7% bằng tiền mặt)</i>	7.371.000.000	<i>Chi ngày 29/03/2021</i>
-	<i>Đợt 2 (10% bằng tiền mặt)</i>	10.530.000.000	<i>Sau ĐHCĐ</i>
10	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	4.659.149.768	Chờ quyết toán thuế

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	40.500.000.000	
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.300.000.000	
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	32.200.000.000	
5	Thù lao HĐQT và BKS không kiêm nhiệm	216.000.000	Trừ LNST
6	Thù lao HĐQT và BKS kiêm nhiệm	96.000.000	Hạch toán CP
7	Lợi nhuận để phân phối các quỹ (4) - (5)	31.984.000.000	
8	Trích quỹ đầu tư phát triển (20%)	6.396.800.000	
9	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%)	6.396.800.000	Bao gồm Quỹ thưởng BDH theo nghị định 53
10	Chi trả cổ tức (17% vốn điều lệ)	17.901.000.000	
11	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.289.400.000	

Điều 4. Thông qua thù lao, khen thưởng HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch thù lao, khen thưởng năm 2021

❖ Chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020:

Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 : 144.000.000 đồng

- Chủ tịch hội đồng quản trị : hưởng lương chuyên trách
- Thành viên hội đồng quản trị : 3.000.000 đồng/tháng

Tổng thù lao Ban kiểm soát năm 2020 : 48.000.000 đồng

- Trưởng Ban kiểm soát : hưởng lương chuyên trách
- Thành viên Ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/tháng

Ngoài ra, năm 2020 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đã tích cực chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành khá tốt kế hoạch đề ra (Lợi nhuận trước thuế đạt 100,3%). Để khích lệ tinh thần và nâng cao hơn nữa trách nhiệm HĐQT, BKS và BDH, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông chi khen thưởng cho HĐQT, BKS, BDH Công ty số tiền là 370.000.000 đồng (tương đương 1%/LNST), trích từ lợi nhuận sau thuế sau khi đã phân phối quỹ và chi trả cổ tức. Việc phân bổ tiền khen thưởng thực hiện theo Quy chế trích lập, quản lý và phân phối Quỹ thưởng Ban điều hành.

❖ Mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021:

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Hưởng lương chuyên trách

Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng

Trưởng Ban kiểm soát: Hưởng lương chuyên trách

Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng

❖ Kế hoạch khen thưởng HĐQT, BKS và BDH năm 2021

Stt	Mức độ hoàn thành kế hoạch	Mức trích
1	Hoàn thành từ 100% đến 110% KH lợi nhuận	1% Lợi nhuận sau thuế
2	Hoàn thành trên 110% KH lợi nhuận	2% Lợi nhuận sau thuế (tối đa là 500 triệu đồng/năm)

Điều 5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021:

- ❖ Thông qua các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán theo tờ trình của Ban kiểm soát.
- ❖ Thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Điều 6. Thông qua kế hoạch chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội:

Đại hội thống nhất thông qua:

1. Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu SPC của CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và chuyển sang đăng ký niêm yết cổ phiếu SPC tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội khi Công ty đáp ứng đủ điều kiện niêm yết theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:
 - Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
 - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
 - Mã cổ phiếu: SPC
 - Số lượng cổ phiếu hủy đăng ký giao dịch chuyển sang đăng ký niêm yết tại SGDCK Hà Nội: toàn bộ số lượng cổ phiếu SPC tại thời điểm đăng ký niêm yết cổ phiếu tại SGDCK Hà Nội.
 - Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2021.
2. Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm triển khai thực hiện cụ thể, hoàn thiện hồ sơ thủ tục liên quan và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 7. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh

Đại hội thống nhất thông qua việc bổ sung ngành nghề như sau:

- Mã ngành: 7120
- Tên ngành, nghề kinh doanh: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

Chi tiết: Khảo nghiệm phân bón (chỉ thực hiện khi có đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm)

Đồng thời giao HĐQT thực hiện bổ sung ngành nghề vào Điều lệ Công ty theo qui định.

Điều 8. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Đại hội thống nhất thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty chi tiết theo tờ trình số 29/TTr-BVTVSG-HĐQT ngày 06/4/2021.

Điều 9. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Đại hội thống nhất thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty chi tiết theo tờ trình số 30/TTr-BVTVSG-HĐQT ngày 06/4/2021.

Điều 10. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Đại hội thống nhất thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty chi tiết theo tờ trình số 33/TTr-BVTVSG-HĐQT ngày 06/4/2021.

Điều 11. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Đại hội thống nhất thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty chi tiết theo tờ trình số 27/TTr-BVTVSG-BKS ngày 06/4/2021.

Điều 12. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 09/4/2021

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm sao gửi Nghị quyết đến toàn thể cổ đông và công bố trên website Công ty (www.spchcmc.com.vn) theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm phổ biến quán triệt và triển khai thực hiện Nghị Quyết này

Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BDH Công ty;
- TCT Nông nghiệp Sài Gòn "để báo cáo";
- Sở GD chứng khoán Hà Nội;
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Trưởng Phòng ban đơn vị;
- Lưu NSHC, VT.

LÊ THỊ PHƯƠNG

SPC MART

**NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ
& Y TẾ CỘNG ĐỒNG**



SPC *Cự hào*
**SẢN PHẨM ĐẠT
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA**

SÔ: 2534/QĐ-BCT; CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG SECSAIGON 10EC



16 Năm **LIÊN TỤC**
HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO
ĐO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

